

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Thẩm phán:

Ông Cao Minh Vỹ

Bà Bùi Thị Thương

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 9/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2025/QĐPT-DS ngày 14/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm số 144/2025/QĐPT-DS ngày 10/6/2025; Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số A P, phường T, TP .. (có mặt)
2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1990; Địa chỉ: Căn hộ B, chung cư B N, phường R, TP .. (có mặt)
3. Người kháng cáo: *Bị đơn* Bà Nguyễn Thị C (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/.Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:* Bà H và bà C là bạn học từ năm 2008 nên có làm ăn chung và cho vay mượn tiền nhiều lần. Trong năm 2023, bà H đã chuyển cho bà C nhiều lần với tổng số tiền là 5.862.285.000 đồng, sau đó bà C đã trả lại cho bà H 3.463.410.000 đồng, còn lại số tiền 2.398.875.000 đồng và nói rằng có người chị tên là N ở Hà Nội đang đầu tư lướt sóng bất động sản rất lời, trúng đậm, đồng thời đề nghị bà H đưa tiền cho bà C góp tiền cho bà N cùng đầu tư nếu lời sẽ ăn chia theo phần trăm, vì tin tưởng nên bà H đã

đồng ý. Sau đó, không thấy bà C trả tiền nên bà H yêu cầu bà C viết giấy xác nhận số nợ.

Ngày 29/01/2024, bà C viết “*Giấy xác nhận*” với nội dung: Bà H đã đưa cho bà C 2.577.000.000 đồng để bà C đưa cho bà Nguyễn Thị Như N đầu tư bất động sản, nhưng việc đầu tư đang gặp trục trặc, bà N hẹn ngày 15/05/2024 hoàn lại số tiền trên. Nếu có vấn đề gì thì bà C chịu $\frac{1}{2}$ số tiền bà H. Thực tế, bà H không biết bà C có đưa số tiền của bà H cho bà N để đầu tư đất hay không; Nay bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Phạm Thị Hằng S tiền là 2.577.000.000đ (Hai tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

**/Theo bản khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:* Bà C và bà H là bạn học từ năm 2008, do có nhu cầu kinh doanh bất động sản nên gia đình bà C, bà H góp tiền gửi ra Hà Nội cho chị gái bà C là bà Nguyễn Thị Như N để đầu tư sinh lợi nhuận.

Từ cuối năm 2022 đến tháng 9/2023 bà C đã chuyển khoản cho con gái bà N và bà N số tiền 7.525.000.000 đồng, trong đó có tiền của bà Phạm Thị H là 2.577.000.000 đồng. Nhưng từ tháng 9/2023 đến nay bà N không hồi âm tiền lại cho bà C và mọi người. Bà C đã rất nhiều lần yêu cầu bà N thanh toán tiền lại nhưng bà N đã hứa và thất hẹn rất nhiều lần, bà C yêu cầu bà N cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc đầu tư bất động sản tại Hà Nội thì bà N không cung cấp được, cũng không có trách nhiệm với số tiền bà C đã gửi ra. Tất cả số tiền mà mọi người gửi ra đều là tiền vay phải đóng lãi, hiện nay bà C không còn khả năng đóng lãi. Bà C đã ra Hà Nội để yêu cầu bà N ký Giấy xác nhận về việc giao- nhận tiền đề ngày 15/11/2023, theo đó bà N xác nhận tính đến ngày 15/11/2023 đã nhận tiền của bà C nhiều lần tổng cộng là 7.525.000.000 đồng và hẹn ngày trả là ngày 15/5/2024, tuy nhiên từ đó đến nay bà N không trả tiền nên bà C gửi đơn kiện ở Công an. Sau đó bà C gửi đơn kiện bà N vào ngày 06/6/2024 tại Công an tỉnh B nhưng Công an tỉnh B trả lời cho bà C là vụ án không có dấu hiệu hình sự, không thuộc thẩm quyền của Công an giải quyết. Hiện nay bà C cũng rất khổ sở, mệt mỏi và bế tắc, bà C cũng là nạn nhân trong vụ việc này. Bà C cũng đang tìm cách khởi kiện, tố cáo bà N để mong muốn đòi lại số tiền bà C đã gửi cho bà N còn giữa bà C và bà H là tự nguyện đầu tư, không có sự lừa gạt hay dối trá nào. Thực tế số tiền bà H đưa cho bà C ít hơn số tiền 2.577.000.000 đồng cụ thể là bao nhiêu thì bà H không nhớ rõ vì tiền bà H đưa bà C chuyển cho bà N, làm được vụ nào thì chia lợi nhuận vụ đó, sau đó cộng dồn cả tiền gốc và tiền lợi nhuận tiếp tục đầu tư tiếp. Số tiền tổng cộng của bà H là 2.577.000.000 đồng, bà C đã giao toàn bộ số tiền 7.525.000.000 đồng cho bà N để đầu tư bất động sản chứ không sử dụng tiền của bà H vào mục đích nào khác. Vì những lý do trên, bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và không phản tố.

**/Tại bản án dân sự sơ thẩm [số 19/2025/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu](#); Đã áp dụng các quy định của pháp luật.*

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với bà Nguyễn Thị C:

+ Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà Phạm Thị Hằng S tiền 2.577.000.000đ (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

*/Ngày 17/3/2025 bị đơn bà C có đơn kháng cáo bản án, với nội dung: Đề nghị xét xử lại vụ án, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà H.

**/Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

**/Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Căn cứ giấy xác nhận, nhận tiền và tại phiên tòa hôm nay bà H và bà C đều thừa nhận chữ ký trong giấy là của mình; Bà C đã nhận số tiền 2.577.000.000 đồng của bà H thì phải có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho bà H; Bà H không yêu cầu tính lãi thì không xem xét;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà C trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung kháng cáo; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về việc bà H yêu cầu Bà C trả lại 2.577.000.000 đồng :

Căn cứ “Giấy xác nhận” ngày 29/01/2024 và sự thừa nhận của bà C có nhận số tiền 2.577.000.000 đồng của bà H, mục đích để làm ăn chung.

Tại “Giấy xác nhận” ngày 29/01/2024, bà C đã ghi: “Số tiền trên H đưa cho tôi để cùng đầu tư bất động sản cùng chị Nguyễn Thị Như N”. Như vậy, lời khai của bà C khai dùng số tiền 2.577.000.000đ để đầu tư với bà N.

Bà C cho rằng: Đã chuyển toàn bộ số tiền này cho bà N để đầu tư bất động sản nhưng nay không liên lạc được với bà N nên bà C không đồng ý trả số tiền này cho bà H;

X thấy: Sau khi bà C nhận số tiền 2.577.000.000đ của bà H thì bà C lại chuyển tiền số tiền này cho con gái bà N là bà Nguyễn Thị Thu H1, việc bà C chuyển tiền và phương thức làm ăn như thế nào thì bà H đều không biết là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa bà H với bà C về việc đầu tư bất động sản làm ăn với bà N.

Bà C không cung cấp được địa chỉ của bà N, bà H1 nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai của bà N, bà H1.

Theo chứng cứ bà C cung cấp là 1 giấy xác nhận về việc giao - nhận tiền đề ngày 15/11/2023 thể hiện nội dung: Bà C giao cho bà N tính đến ngày 15/11/2023 là 7.525.000.000 đồng, bên giao tiền bà Nguyễn Thị C, bên nhận tiền bà Nguyễn Thị Như N, không có tên bà Phạm Thị H ký tên giao tiền hoặc người làm chứng. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị Như N, bà Nguyễn Thị Thu H1 là người có liên quan đến số tiền đã nhận tiền của bà H để buộc bà N, bà H1 cùng liên đới chịu trách nhiệm cùng với bà C hoàn trả tiền cho bà H.

Từ những phân tích nêu trên thì bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà Hằng số tiền 2.577.000.000đ là có căn cứ.

[2.2] Đối với việc bà Nguyễn Thị C khai có giao tiền cho bà N thì bà C được quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ phúc thẩm: Căn cứ Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án.

*/Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền phải trả 2.577.000.000 đồng = 72.000.000đồng +(2% x 577.000.000 đồng) = 83.540.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Hằng S tiền tạm ứng án phí 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004533 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà C phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm **số 19/2025/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu**, như sau:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự ; Điều 26 , 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H:

+ Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà Phạm Thị Hằng S tiền 2.577.000.000đ (Hai tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải nộp 83.540.000đ (Tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho bà Phạm Thị Hằng S tiền tạm ứng án phí 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004533 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà C phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000158 ngày 19/3/2025 của chi cục thi hành án dân sự TP . Vũng Tàu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 9/7/2025

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM.
- TA, VKSND KV 11.
- THADS TP.HCM.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án (55)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Hoàng Anh

